

Số: 2832056

|                                            | Kia Sportage 2.0G Premium (Tùy chọn màu nội thất) | Mazda CX-5 2.0L Luxury |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>849.000.000đ</b>                               | <b>789.000.000đ</b>    |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                   |                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4660 x 1865 x 1700                                | 4590 x 1845 x 1680     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2755                                              | 2700                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5890                                              | 5500                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190                                               | 200                    |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1520                                              | 1550                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1970                                              | 2000                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 543                                               | 442                    |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 54                                                | 56                     |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                                 | 5                      |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                  | SX-LR trong nước       |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                   |                        |
| Loại động cơ                               | Xăng 2.0L                                         | 2.0L Skyactive - G     |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1999                                              | 1998                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 154 / 6200                                        | 154 / 6000             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 192 / 4500                                        | 200 / 4000             |
| Hộp số                                     | 6AT                                               | 6AT                    |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                   | Cầu trước (FWD)        |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                                        | Độc lập Mc Pherson     |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                  | Liên kết đa điểm       |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                               | Đĩa                    |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                               | Đĩa                    |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                        | 225/55 R19             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 9.5                                               | 8.6                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 6.3                                               | 6.1                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 7.5                                               | 7                      |
| Chế độ lái                                 | Normal / Eco / Sport / Smart                      | Normal / Sport         |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                   |                        |
| Cụm đèn trước                              | LED                                               | LED                    |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                                 | ●                      |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                 | ●                      |
| Cụm đèn sau                                | LED                                               | LED                    |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                 | ●                      |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                 | ●                      |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                   |                        |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                 | ●                      |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                | Da                     |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                 | ●                      |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                                 | ●                      |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                                                 | ●                      |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Digital Segment + LCD 4.2                         | Analog & Digital       |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 12.3"                                         | 8"                     |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                                                 | ●                      |

|                                         |                        |                |
|-----------------------------------------|------------------------|----------------|
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●                      | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2                      | 2              |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●                      | ●              |
| Chìa khóa thông minh                    | ●                      | ●              |
| Khởi động nút bấm                       | ●                      | ●              |
| Khởi động từ xa                         | ●                      |                |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa                  | 6 loa          |
| Lấy chuyển số                           | ●                      |                |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●                      | ●              |
| Giữ phanh tự động Autohold              | ●                      | ●              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●                      | ●              |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                        |                |
| Số túi khí                              | 6                      | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                      | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                      | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                      | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●                      | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                      | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau            | Trước & Sau    |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù               | ●                      | ●              |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●                      | MRCC Stop & Go |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                      | ●              |
| Camera lùi                              | ●(Tích hợp camera 360) | ●              |